

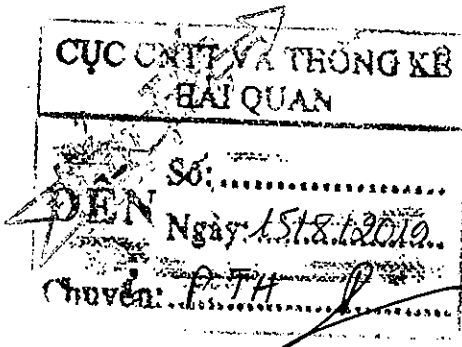
Số: 9207 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

V/v xin ý kiến về dự thảo Thông tư  
sửa đổi, bổ sung Thông tư số  
72/2014/TT-BTC

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Bộ Văn hoá thể thao và du lịch;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Công thương;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch đầu tư;
- Bộ Công an;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam.



Thực hiện kế hoạch xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC.

Để hoàn thiện dự thảo Thông tư đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phù hợp thông lệ quốc tế, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư và gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), đồng thời gửi qua địa chỉ thư [phuongggq@customs.gov.vn](mailto:phuongggq@customs.gov.vn) trước ngày 26/8/2019.

Mọi thông tin liên hệ đồng chí Giáp Quỳnh Phương- chuyên viên Tổng cục Hải quan, số điện thoại: 04.39.44.08.33 (máy lẻ 8596)/ 0914.384.066.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị. /7/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Website Bộ Tài chính (để đăng);
- Website TCHQ (để đăng);
- Các NHTM: Đầu tư và phát triển VN, Công Thương VN, Hàng Hải VN, Nông nghiệp và PTNT, Á Châu, Bưu điện Liên Việt (để tham gia ý kiến);
- Vụ PC, Vụ CST, Vụ HTQT, TCT, KBNN, Văn phòng BTC (để tham gia ý kiến);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, TCHQ (66) /M/

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**  
  
**Vũ Thị Mai**



Số: /2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO NGÀY 30/7/2019****THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh**

*Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh:**

**1. Bổ sung Điều 4a như sau:**

**“Điều 4a. Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài**

1. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài với cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống:

- a) Cơ quan hải quan, công chức hải quan;
- b) Doanh nghiệp đăng ký tham gia bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (người bán hàng);
- c) Tổng cục Thuế
- d) Kho bạc Nhà nước
- e) Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài
- g) Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Tổng cục Hải quan.

4. Cấp tài khoản truy cập Hệ thống:

- a) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này được cấp tài khoản truy cập Hệ thống theo quy định của cơ quan hải quan;
- b) Việc truy cập Hệ thống phải đảm bảo đúng thẩm quyền, đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đăng ký tham gia (với Tổng cục Hải quan) kết nối với Hệ thống để được cấp tài khoản truy cập và các thông tin kết nối. Khi có thay đổi, bổ sung hoặc hủy hiệu lực thông tin đăng ký, tổ chức, cá nhân phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan. Việc đăng ký, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy thông tin đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trang bị đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động giao dịch điện tử đảm bảo cho việc khai báo, truyền, nhận, lưu trữ thông tin khi truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống; sử dụng phần mềm hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài do cơ quan hải quan cung cấp (nếu có) hoặc phần mềm hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài đã được Tổng cục Hải quan kiểm tra và xác nhận phù hợp yêu cầu nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Tổng cục Hải quan ban hành

**Quyết định công nhận phần mềm quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài và công bố trên Cổng thông tin điện tử của ngành Hải quan”.**

**2. Khoản 2, khoản 6, khoản 8 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. *Trường hợp có điều chỉnh hoặc chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư này*”

6. Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hoá người nước ngoài mua, doanh nghiệp bán hàng lập hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng đáp ứng quy định tại Điều 11 Thông tư này *trên hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, nhập* đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại *Phụ lục 3 Thông tư này, in ra*, giao cho người nước ngoài 01 liên dùng cho khách hàng.

8. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế *theo quy định tại Điều 4a, Phụ lục IV Thông tư này, sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn tại Phụ lục III Thông tư này và có trách nhiệm lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài với các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời*”.

**3. Khoản 9 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“9. Tham gia, *kết nối, cập nhật thông tin* vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế *theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này*”.

**4. Khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“4. *Tổng cục Hải quan* tiếp nhận hồ sơ, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này và *tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trình Bộ Tài chính lựa chọn sân bay, cảng biển quốc tế áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đảm bảo hiệu quả hoàn thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý*.

5. Cập nhật thông tin về người nước ngoài và số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào  ~~cơ sở dữ liệu về hệ thống quản lý~~ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài *theo quy định tại Phụ lục IV Thông tư này*.

7. Xây dựng, *quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng* hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế *theo quy định tại Điều 4a Thông tư này*”.

5. Khoản 2, khoản 8 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này. *Thực hiện công khai Danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 14 Thông tư này và cập nhật vào hệ thống hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài.*

8. Tham gia, *kết nối* vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế *theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này*”.

6. Khoản 5 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Tham gia, *kết nối* vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế *theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này*”

7. Khoản 3 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Doanh nghiệp không tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài hoặc không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài với các thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời, cơ quan hải quan không có đủ cơ sở để hoàn thuế hoặc ~~Trường hợp~~ doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế:

a) Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản thông báo chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế cho doanh nghiệp, đồng thời gửi cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại và các đơn vị có liên quan;

b) Doanh nghiệp tháo bỏ Biển thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đã dán tại cửa hàng khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế”.

8. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“1. Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập, sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này và in hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế từ hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài.**

Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế thực hiện theo quy định tại *Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ”.*

**9. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“2. Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:**

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và các quy định về hàng hoá được hoàn thuế quy định tại Điều 11 Thông tư này; *Trường hợp hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa có dấu hiệu nghi ngờ hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định thì cơ quan hải quan trao đổi với doanh nghiệp bán hàng để nắm thông tin cụ thể;*

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro;

c) Ghi kết quả kiểm tra; xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này; ký, đóng dấu xác nhận đã kiểm tra vào hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;

d) Cập nhật thông tin về người nước ngoài, số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào ~~ơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan~~ **hệ thống quản lý** về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư này”.

**10. Khoản 3, Khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“3. Căn cứ Quyết định thanh toán và Lệnh hoàn trả do Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế ban hành, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho**

ngân hàng thương mại. *Nguồn tiền thanh toán được chi từ dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng*

4. Việc hạch toán và luân chuyển chứng từ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 và khoản 3 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”

#### **11. Các Phụ lục được sửa đổi, bổ sung như sau:**

- Thay thế Phụ lục 7 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 bằng Phụ lục I Thông tư này.

- Bổ sung thêm Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV.

#### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng 09 năm 2019.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT; TCHQ (20).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**



**Phụ lục I***(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***THỦ TRƯỞNG CỤC THUẾ  
RA QUYẾT ĐỊNH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng****CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ .....***- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này;**- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;**- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;**- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

Xét đề nghị của Ngân hàng..... tại công văn số... ngày... về việc đề nghị thanh toán tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thanh toán cho ngân hàng thương mại.....(mã số thuế...), số tài khoản:....., số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng, kỳ đề nghị thanh toán từ ngày...../...../.....đến ngày ...../...../..... là.....đồng

(bằng chữ:.....), trong đó:

- Số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài:.....đồng.
- Số tiền phí dịch vụ được hưởng: .....đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngân hàng....., ...(Trường các bộ phận có liên quan của cơ quan thuế) và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Kho Bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Cục HQ...(để phối hợp);
- Lưu..., VT

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**  
**RA QUYẾT ĐỊNH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục II***(Ban hành kèm theo Thông tư số**/2019/TT-BTC ngày**của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***ĐĂNG KÝ THAM GIA KẾT NỐI VỚI HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GTGT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG HOÀN THUẾ GTGT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI****I. Thủ tục đăng ký tham gia kết nối với hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (gọi tắt là Hệ thống):**

1. Doanh nghiệp được cơ quan thuế công nhận là bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) truy cập cổng thông tin điện tử hải quan (địa chỉ: <http://www.customs.gov.vn>) để thực hiện đăng ký thông tin chi tiết các chỉ tiêu thông tin cần đăng ký được thể hiện tại phụ lục III.

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan hải quan kiểm tra nội dung đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả thông qua cổng thông tin điện tử hải quan:

a) Trường hợp thông tin cung cấp không đầy đủ, không phù hợp cơ quan hải quan sẽ gửi yêu cầu sửa đổi bổ sung thông tin tới người sử dụng;

b) Trường hợp thông tin cung cấp đầy đủ, phù hợp cơ quan hải quan phản hồi cho người sử dụng các thông tin về tài khoản người sử dụng và thông tin kết nối tới Hệ thống;

c) Trường hợp từ chối thông tin đăng ký của người sử dụng, cơ quan hải quan sẽ thông báo rõ lý do từ chối.

3. Sau khi nhận được thông tin phản hồi từ cơ quan hải quan, doanh nghiệp thực hiện:

a) Trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin, người sử dụng sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu và gửi thông tin sau khi sửa đổi tới cơ quan hải quan;

b) Trường hợp cơ quan hải quan chấp nhận thông tin đăng ký, doanh nghiệp đăng nhập cổng thông tin điện tử hải quan để tra cứu kết quả đăng ký thành công và thay đổi mật khẩu truy cập.

**II. Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng Hệ thống**

1. Khi sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký, người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng sửa thông tin đăng ký và gửi yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin này đến cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra nội dung sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp và phản hồi kết quả theo các trường hợp như nêu tại điểm 2 mục I Phụ lục này.

**III. Thủ tục huỷ hiệu lực thông tin sử dụng Hệ thống**

1. Trường hợp huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký trên Hệ thống, người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng yêu cầu

huỷ hiệu lực thông tin đăng ký và gửi yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin này tới cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả kiểm tra tới người sử dụng thông qua cổng thông tin điện tử hải quan.

**Phụ lục III**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Danh mục	Lặp lại
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>			
1	Tên người đại diện	x		
2	Địa chỉ của cửa hàng, chi nhánh	x		
3	Mã số thuế của cửa hàng, chi nhánh	x		
4	Lĩnh vực hoạt động	x	x	
5	Số lượng mã số định danh của tổ chức (User Code)	x		
6	Quyết định về việc công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT	x		
<b>II</b>	<b>Thông tin người thực hiện việc bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài</b>			
1	Đơn vị trực thuộc (User Code)	x	x	
1	Họ tên	x		x
2	Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu)	x		x
3	Số chứng nhận khai hải quan			x
4	Email	x		x
5	Lĩnh vực hoạt động	x	x	x
<b>III</b>	<b>Chữ ký số</b>			
1	Số định danh chứng thư số (Serial Number)	x		
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số	x	x	
3	Tên người được cấp chứng thư số	x		
4	Ngày hiệu lực	x		
5	Ngày hết hiệu lực	x		
6	Khoá công khai (Public Key)	x		

**Phụ lục IV**  
**CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**DANH MỤC DỮ LIỆU CHUẨN VÀ CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐẦU VÀO CỦA HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI**

**I. Danh mục dữ liệu chuẩn**

STT	Tên danh mục
1	Cơ quan hải quan
2	Cơ quan thuế
3	Kho bạc Nhà nước
4	Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng
5	Loại hình xuất cảnh
6	Loại hình nhập cảnh
7	Quốc tịch
8	Thông tin người mua hàng
9	Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

**II. CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
1	Số hóa đơn	
2	Ký hiệu hóa đơn	
3	Ngày hóa đơn	
4	Loại hình nhập cảnh	
5	Loại hình xuất cảnh	
<b>Thông tin doanh nghiệp bán hàng</b>		
6	Tên đơn vị bán hàng	
7	Mã số thuế	
8	Địa chỉ	
9	Số điện thoại	Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế
10	Email	Thông tin này được lấy từ cơ quan

		thuế
11	Đại diện	
<b>Thông tin người mua hàng</b>		
12	Số hộ chiếu/ Giấy tờ nhập xuất cảnh	
13	Quốc tịch	
14	Họ và tên	
	Ngày tháng năm sinh	
15	Ngày cấp hộ chiếu	
16	Ngày hết hạn hộ chiếu	
17	Nước xuất cảnh	
<b>Thông tin hàng hóa</b>		
18	STT	
19	Tên hàng hóa	bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.
20	Xuất xứ hàng hóa (đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu)	
21	Đơn vị tính	
22	Số lượng	
23	Đơn giá	
24	Thành tiền	
25	Tổng tiền hàng	
26	Thuế suất	
27	Tiền thuế GTGT	
28	Tổng cộng tiền thanh toán	
29	Số tiền bằng chữ	
<b>Thông tin cán bộ hải quan nhập liệu để xác nhận hóa đơn hoàn thuế</b>		
30	Số lượng hàng hóa người nước ngoài ký gửi	Số lượng hàng hóa người nước ngoài gửi tại khu ký gửi
31	Số lượng hàng hóa người nước ngoài mang theo vào khu cách ly (xách tay)	

32	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
33	Số tiền người nước ngoài được hoàn	
34	Đối chiếu với thông tin của cơ quan thuế về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế	
35	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Chấp nhận hoàn thuế; - Không chấp nhận hoàn thuế
36	Từ chối hoàn thuế	Nếu chọn “Không chấp nhận hoàn thuế” cần nêu rõ lý do từ chối
37	Ngày giờ xác nhận hoàn thuế	
38	Nhập âm số tiền hoàn thuế	Trong trường hợp hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được xác nhận hoàn nhưng khách hàng lại mang hàng trở lại Việt Nam
39	Truyền hóa đơn đã xác nhận đủ điều kiện hoàn thuế cho ngân hàng thương mại	
40	Truyền thông tin xác nhận việc đã hoàn thuế của ngân hàng thương mại cho cơ quan thuế	
<b>Thông tin ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế nhập liệu</b>		
41	Nhập số hiệu, ngày tháng chuyến bay/ chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh	
42	Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	
43	Ngày giờ hoàn thuế	
44	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
45	Số tiền người nước ngoài được hoàn	
46	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Chấp nhận hoàn thuế; - Không chấp nhận hoàn thuế
47	Từ chối hoàn thuế	Nếu chọn “Không chấp nhận hoàn



		thuế” cần nêu rõ lý do từ chối
48	Truyền thông tin hóa đơn đã hoàn thuế cho cơ quan hải quan	
49	Truyền thông tin hóa đơn đã hoàn thuế cho cơ quan thuế	
50	Đề nghị đối chiếu với cơ quan hải quan về số tiền thuế đã hoàn	
51	Truyền thông tin hóa đơn đã có xác nhận của cơ quan hải quan cho cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước	
52	Nhập số tiền thuế GTGT đã ứng trước truyền cho cơ quan thuế và Kho bạc Nhà nước	
<b>Thông tin cơ quan thuế</b>		
53	Cập nhật, nhập danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài	
54	Thông tin doanh nghiệp bán hàng điều chỉnh	
55	Quyết định về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại	- Số quyết định - Số tiền thanh toán
<b>Thông tin Kho bạc Nhà nước</b>		
56	Truyền thông tin đã thanh toán tiền ứng trước cho ngân hàng thương mại và cơ quan thuế	

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI VỀ TIÊU THỨC TRÊN HÓA ĐƠN KIỂM TỜ  
KHAI HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG BAN HÀNH THEO PHỤ LỤC 3  
THÔNG TƯ SỐ 72/2014/TT-BTC**

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Liên 1, Phần A, Thông tin về khách hàng	
Tên hàng hóa	Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài ghi cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên hàng hóa;</li> <li>- Nhãn hiệu;</li> <li>- Ký hiệu hàng hóa: số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu</li> <li>- Số máy đối với mặt hàng đồng hồ</li> </ul>